

# 10 ĐỀ THI HK1 MÔN SINH 9 NĂM 2019-2020

## 1. Đề thi HK1 Sinh 9 số 1

PHÒNG GD&ĐT SÔNG LÔ  
TRƯỜNG THCS HẢI LỰU

KIỂM TRA HỌC KỲ I  
MÔN: SINH HỌC 9  
NĂM HỌC: 2019 – 2020  
(thời gian làm bài: 45 phút)

### ĐỀ BÀI:

#### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

**Câu 1:** Hai trạng thái khác nhau của cùng một loại tính trạng có biểu hiện trái ngược nhau được gọi là

- A. Cặp gen tương phản.                      B. Cặp tính trạng tương phản  
C. Cặp bố mẹ thuần chủng tương phản.      D. Hai cặp gen tương phản.

**Câu 2:** Theo Mendel, tính trạng được biểu hiện ở cơ thể lai F1 được gọi là

- A. Tính trạng lặn                                  B. Tính trạng tương ứng.  
C. Tính trạng trung gian.                      D. Tính trạng trội.

**Câu 3:** Di truyền là hiện tượng

- A. Truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu.  
B. Con cái giống bố hoặc mẹ về tất cả các tính trạng.  
C. Con cái giống bố và mẹ về một số tính trạng.  
D. Truyền đạt các tính trạng của bố mẹ cho con cháu.

**Câu 4:** Sự sinh trưởng ở các mô, cơ quan và tế bào là nhờ quá trình nào?

- A. Giảm phân.                                  B. Nguyên phân.  
C. Thụ tinh.                                      D. Phát sinh giao tử.

**Câu 5:** Người bị hội chứng Đào có số lượng NST trong tế bào sinh dưỡng là

- A. 47 NST.                                  B. 48 NST                                  C. 45 NST.                                  D. 46 NST.

**Câu 6:** Cà độc dược có bộ nhiễm sắc thể  $2n = 24$ . Vậy thể  $(2n - 1)$  cây cà có số lượng nhiễm sắc thể là

- A. 23                                  B. 22                                  C. 24                                  D. 25

**Câu 7:** Thể ba nhiễm là thể mà trong tế bào sinh dưỡng có đặc điểm nào?

- A. Tất cả các cặp NST tương đồng đều có 1 chiếc  
 B. Có một cặp NST tương đồng nào đó 2 chiếc, các cặp còn lại đều có 3 chiếc.  
 C. Tất cả các cặp NST tương đồng đều có 3 chiếc.  
 D. Có một cặp NST tương đồng nào đó 3 chiếc, các cặp còn lại đều có 2 chiếc

**Câu 8:** NST mang gen và tự nhân đôi vì nó chứa

- A. Prôtêin và ADN      B. Protêin      C. ADN      D. Chứa gen

**Câu 9:** Một phân tử ADN có 10 chu kì xoắn, thì tổng số nuclêôtit của phân tử là

- A . 20.      B. 100.      C. 50.      D. 200

**Câu 10:** Nguyên tắc bổ sung trong cấu trúc của ADN dẫn đến hệ quả:

- A.  $A + T = G + X$       B.  $A = X, G = T$   
 C .  $A + G = T + X$       D.  $A + X + T = X + T + G$

## II. PHẦN TỰ LUẬN:

**Câu 1:** Một đoạn phân tử ADN có số nuclêôtit loại A là 600 nuclêôtit và số nuclêôtit loại không bổ sung với A là 900 nuclêôtit. Xác định tổng số nuclêôtit và chiều dài của phân tử ADN?

**Câu 1:** Hãy trình bày ý nghĩa của quy luật phân li độc lập?

**Câu 3:** Lai 2 giống đậu Hà Lan khác nhau về 1 cặp tính trạng thuần chủng tương phản: hoa đỏ với hoa trắng, F1 thu được 100% cây đậu Hà Lan hoa đỏ. Cho các cây hoa đỏ F1 tự thụ phấn thu được F2. Hãy xác định:

- a. Tính trạng trội, tính trạng lặn trong phép lai trên  
 b. Kiểu gen của các cây đậu Hà Lan thế hệ P. Viết sơ đồ lai từ P đến F2

## ĐÁP ÁN

### I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	A	B	A	A	D	C	D	C

### II. PHẦN TỰ LUẬN:

Câu	Nội dung	Điểm
1 2d	Theo nguyên tắc bổ sung thì $A = T$ và $G = X$ Ta có: $A = T = 600$ nuclêôtit, $G = X = 900$ nuclêôtit Tổng số nuclêôtit của gen là: $N = 2A + 2T = 2 \times 600 + 2 \times 900 = 3000$ nuclêôtit	1

	Chiều dài của gen là: $L = 3000/2 \times 3,4 = 5100 \text{ A}^0$	<b>1</b>
<b>2</b> 2d	Ý nghĩa của quy luật phân li độc lập: - Dự đoán trước được kết quả lai.	<b>0,5</b>
	- Là cơ sở khoa học giải thích sự đa dạng phong phú của sinh vật trong tự nhiên.	<b>0,5</b>
	- Tạo ra một số lượng lớn biến dị tổ hợp, cung cấp nguyên liệu cho chọn giống và tiến hóa	<b>0,5</b>
	- Bằng phương pháp lai có thể tạo ra các biến dị tổ hợp mong muốn trong chăn nuôi trồng trọt (tạo dòng thuần chủng, tạo ưu thế lai).	<b>0,5</b>
<b>3</b> 3d	a. Lai hoa đỏ thuần chủng với hoa trắng thuần chủng $\rightarrow$ F1 toàn hoa đỏ $\rightarrow$ hoa đỏ là tính trạng trội, hoa trắng là tính trạng lặn	<b>0,5</b>
	b. Quy ước gen A – đỏ, a – trắng Kiểu gen của P là: AA và aa	<b>0,5</b>
	Sơ đồ lai: P: AA x aa Gp: A x a F1: Aa (100% đỏ)	<b>1</b>
	F1 x F1: Aa x Aa GF1: (A, a) x (A, a) F2: 1AA : 2Aa : 1aa Kiểu hình: 3 đỏ : 1 trắng	<b>1</b>

## 2. Đề thi HK1 Sinh 9 số 2

### PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CHÂU THÀNH

#### KỶ KIỂM TRA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2019-2020

Ngày kiểm tra: tháng 12 năm 2019

Môn: KHTN (Sinh học) - Lớp: 9

Thời gian: 60 phút (không kể thời gian phát đề)

**ĐỀ CHÍNH THỨC**

(Đề thi có 02 trang, thí sinh không phải chép đề vào giấy thi)

**I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

**Câu 1:** 1. Giai đoạn của nguyên phân khi NST bắt đầu co xoắn được gọi là....., giai đoạn màng nhân xuất hiện trở lại bao quanh các NST được gọi là .....

- A. Kì sau, kì cuối.      B. Kì đầu, kì giữa.      C. Kì đầu, kì cuối.      D. Kì giữa, kì cuối.

**Câu 2:** Một tế bào của ruồi giấm sau một lần nguyên phân tạo ra?

- A. 4 tế bào con      B. 2 tế bào con      C. 8 tế bào con      D. 6 tế bào con

**Câu 3:** Điểm giống nhau trong quá trình hình thành giao tử đực so với quá trình hình thành giao tử cái là:

- A. Giao tử có nhân mang bộ nhiễm sắc thể đơn bội n.  
B. Tạo 1 giao tử lớn và ba thể cực thứ 2.  
C. Tạo 4 giao tử có kích thước bằng nhau.  
D. Tạo 4 giao tử có kích thước khác nhau.

**Câu 4:** Các tính trạng di truyền bị biến đổi nếu NST bị biến đổi:

- A. Cấu trúc      B. Số lượng      C. Cấu trúc, số lượng      D. Hình dạng

**Câu 5:** Điều nào đúng khi nói về trẻ đồng sinh khác trứng?

- A. Luôn giống nhau về giới tính      B. Luôn khác nhau về giới tính  
C. Ngoại hình luôn khác nhau      D. Có thể giống hoặc khác nhau về giới tính

**Câu 6:** Khi bố mẹ là mắt nâu và mắt đen. Mắt nâu thể hiện ở đời con F<sub>1</sub> chứng tỏ :

- A. Mắt đen là trội so với mắt nâu  
B. Mắt nâu là tính trạng trội hoàn toàn so với mắt đen  
C. Mắt đen là tính trạng trội  
D. Mắt nâu là tính trạng trung gian

**Câu 7:** Tế bào sinh dưỡng của người bị bệnh Đào có chứa :

- A. 3 nhiễm sắc thể 21      B. 3 nhiễm sắc thể X  
C. 2 nhiễm sắc thể X và 1 nhiễm sắc thể Y      D. 2 cặp nhiễm sắc thể X

**Câu 8:** Bệnh câm điếc bẩm sinh là do :

- A. Đột biến gen lặn trên NST giới tính      B. Đột biến gen trội trên NST thường  
C. Đột biến gen lặn trên NST thường      D. Đột biến gen trội trên NST giới tính

**II/ PHẦN TỰ LUẬN:**

**Câu 1:** (2 điểm) Em có biết tại sao hiện nay ở một số nước châu Á có tình trạng nhiều người đàn ông không tìm được người phụ nữ để kết hôn? Tại sao nhà nước ta có quy định cấm việc lựa chọn giới tính trước khi sinh? Cơ sở khoa học của việc này là gì?

**Câu 2:** (2 điểm) Nêu khái niệm, các dạng đột biến gen?

**Câu 3:** (3 điểm) Một gen có 60 vòng xoắn và có chứa 1440 liên kết hydro. Xác định:

- Số lượng và tỉ lệ từng loại nuclêôtit của gen.
- Số liên kết hoá trị của gen.

**Câu 4:** (1 điểm) Vận dụng mối quan hệ giữa kiểu gen, môi trường và kiểu hình để giải thích kết quả học tập của em. Làm thế nào để có kết quả học tập cao nhất với em?

### ĐÁP ÁN

Nội dung	Điểm
<b><u>I/ TRẮC NGHIỆM</u></b>	<b>2 điểm</b>
Câu 1 – C	0,25đ
Câu 2 – B	0,25đ
Câu 3 – A	0,25đ
Câu 4 – C	0,25đ
Câu 5 – D	0,25đ
Câu 6 – B	0,25đ
Câu 7 – A	0,25đ
Câu 8 – C.	0,25đ
<b><u>II/ TỰ LUẬN</u></b>	<b>8 điểm</b>
<b>Câu 1:</b>	<b>2 điểm</b>
- Vì hiện tượng mất cân bằng giới tính: tỉ lệ nam giới nhiều hơn rất nhiều so với nữ giới.	0,5
- Cân bằng giới tính giữa tỉ lệ: nam và nữ trong tự nhiên.	
- Trong tự nhiên, nếu không có tác động gì đến quá trình tạo giao tử, thụ tinh, thụ thai thì tỉ lệ giới tính 1 đực : 1 cái. Nhưng nếu có tác động thì sẽ làm mất cân bằng giới tính. Điển hình là việc đàn ông châu Á khó kết hôn như hiện nay.	0,5
	1
<b>Câu 2:</b>	
- Đột biến gen là những biến đổi trong cấu trúc của gen.	

- Đột biến gen thường liên quan đến một cặp nuclêôtit.	
- Các dạng điển hình là: Mất, thêm, thay thế một cặp nuclêôtit.	<b>2 điểm</b>
<b>Câu 3:</b>	0,5
a. Số lượng và tỉ lệ từng loại nuclêôtit của gen:	
- Tổng số nuclêôtit của gen : $N = C \times 20 = 60 \times 20 = 1200$ (nu)	0,5
- Gen có 1440 liên kết hydro. Suy ra :	
+ Theo đề: $2A + 3G = 1440$ (1)	1
+ Theo NTBS: $2A + 2G = 1200$ (2)	
Từ (1) và (2) suy ra: $G = 240$ và $A = 360$ (nu)	<b>3 điểm</b>
- Vậy, số lượng và tỉ lệ từng loại nuclêôtit của gen :	<b>2</b>
+ $G = X = 240$ (nu)	0,25
$G\% = X\% = G/N \times 100\%$	
$G\% = X\% = 240/1200 \times 100\% = 20\%$	
+ $A = T = 1200/2 - 240 = 360$ (nu)	0,25
$A\% = T\% = 50\% - 20\% = 30\%$	
b. Số liên kết hoá trị của gen: $2N - 2 = 2 \cdot 1200 - 2 = 2398$ (liên kết)	0,25
<b>Câu 4:</b>	0,25
	0,25
	0,25
	0,25
	0,25
	1
	<b>1 điểm</b>
	0,5
	0,5

### 3. Đề thi HK1 Sinh 9 số 3

PHÒNG GD&ĐT THÁI THỤY  
TRƯỜNG THCS THÁI THÀNH

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I  
MÔN SINH HỌC 9

**Câu 1.** Khi lai 2 cơ thể bố mẹ thuần chủng khác nhau về 1 cặp tính trạng tương phản thì :

- A. F2 phân li theo tỉ lệ 9 : 3 : 3 : 1      B. F1 phân li theo tỉ lệ 3 trội : 1 lặn  
C. F1 phân li theo tỉ lệ 1 trội : 1 lặn      D. F2 phân li theo tỉ lệ 3 trội : 1 lặn

**Câu 2.** Phép lai nào dưới đây làm xuất hiện tỉ lệ 50% đồng hợp lặn ở F1:

- A. Aa x Aa      B. AA x AA      C. AA x Aa      D. Aa x aa

**Câu 3.** Kết quả của một phép lai có tỉ lệ kiểu hình là 9 : 3 : 3 : 1 .Hãy xác định kiểu gen của phép lai trên:

- A. AAbb X aabb      B. AABB X aabb  
C. Aabb X aaBb      D. AaBb X AaBb

**Câu 4.** Một gen tự nhân đôi n lần liên tiếp sẽ tạo ra được bao nhiêu gen giống nó ?

- A. 2 gen      B.  $n^2$  gen      C.  $2^n$  gen      D. n gen

**Câu 5.** Một gen có số lượng Nucleotit là 6800. Số chu kỳ xoắn của gen theo mô hình Watson-Crick là

- A. 680      B. 338      C. 200      D. 340

**Câu 6.** Ở cà chua , tính trạng quả đỏ (A) trội hoàn toàn so với quả vàng (a) . Lai phân tích thu được toàn quả đỏ . Cơ thể trội có kiểu gen:

- A. AA (quả đỏ)      B. Aa (quả đỏ)      C. aa ( quả vàng )      D. Cả AA và Aa

**Câu 7.** Bệnh bạch tạng do một gen lặn qui định. Một cặp vợ chồng có màu da bình thường và đều có kiểu gen dị hợp thì tỉ lệ phần trăm con của họ mắc bệnh bạch tạng là:

- A. 25%      B. 50%      C. 100%      D. 75%

**Câu 8.** Trong giảm phân các NST kép tương đồng có sự tiếp hợp và bắt chéo nhau vào kì nào:

- A. Kì giữa 2      B. Kì đầu 1      C. Kì đầu 2      D. Kì giữa 1

**Câu 9.** Kết quả kì giữa của nguyên phân các NST với số lượng:

- A. 2n (kép)      B. n ( kép )      C. 2n ( đơn )      D. n ( đơn)

**Câu 10.** Một phân tử AND có nuclêotit loại T là 200000 chiếm 20% trong tổng số nuclêotit của phân tử, số nuclêotit loại X của phân tử đó là:

- A. 400000      B. 300000      C. 200000      D. 100000

**Câu 11.** Sự tự nhân đôi của NST diễn ra ở kì nào của chu kì tế bào?

- A. Kì trung gian      B. Kì đầu      C. Kì sau      D. Kì giữa

**Câu 12.** Ở lúa, gen T quy định thân cao, gen t quy định thân thấp, gen V quy định hạt tròn, gen v quy định hạt dài. Các gen này phân li độc lập. Đem lai lúa thân cao, hạt dài với lúa thân thấp, hạt tròn. F<sub>1</sub> thu được toàn lúa thân cao, hạt tròn. Chọn kiểu gen của P:

- A. TTvv x ttVV      B. TTVv x ttVv  
C. TTVV x ttvv      D. Ttvv x ttVV

**Câu 13.** Một cặp nhiễm sắc thể kép đồng dạng gồm:

- A. 2 Crômatic  
B. 1 cặp NST tương đồng  
C. 2 nhiễm sắc tử chị em  
D. 4 NST đơn

**Câu 14.** Ở chó, lông ngắn trội hoàn toàn so với lông dài. P : Lông ngắn thuần chủng x Lông dài, kết quả ở F<sub>1</sub> như thế nào trong các trường hợp sau đây?

- A. Toàn lông ngắn      B. 1 lông ngắn : 1 lông dài  
C. Toàn lông dài      D. 3 lông ngắn : 1 lông dài

**Câu 15.** Ruồi giấm có bộ NST  $2n = 8$ , ở kì giữa của nguyên phân, số lượng NST kép là bao nhiêu, số lượng NST đơn là bao nhiêu:

- A. NST kép là 8, NST đơn là 0      B. NST kép là 16, NST đơn là 32  
C. NST kép là 8, NST đơn là 16      D. NST kép là 16, NST đơn là 0

**Câu 16.** Loại tế bào nào có bộ nhiễm sắc thể đơn bội:

- A. Giao tử      B. Tế bào sinh dưỡng.      C. Hợp tử      D. Tế bào sinh dục

**Câu 17.** Lấy cây cà chua quả đỏ thuần chủng lai phân tích thu được kết quả :

- A. 112 cây quả đỏ : 125 cây quả vàng  
B. Toàn cây quả vàng  
C. Toàn cây quả đỏ  
D. 108 cây quả đỏ : 36 cây quả vàng

**Câu 18.** Ruồi giấm đực có kiểu gen BV/ bv (di truyền liên kết) cho mấy loại giao tử:

- A. 2 loại : BV, bv      B. 2 loại : Bb, Vv  
C. 1 loại : BbVv      D. 4 loại: BV, Bv, bV, bv

**Câu 19.** Quá trình nguyên phân xảy ra ở tế bào nào của cơ thể :

- A. Tế bào sinh dưỡng      B. Tế bào sinh sản  
C. Tế bào tinh trùng      D. Tế bào trứng

**Câu 20.** Một khả năng của NST đóng vai trò rất quan trọng trong sự di truyền là :



- A.** Biến đổi hình dạng      **B.** Trao đổi chất  
**C.** Tự nhân đôi              **D.** Co duỗi trong phân bào

**Câu 21.** Ở ruồi giấm  $2n = 8$ . Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của nguyên phân, số NST trong tế bào đó:

- A.** 8              **B.** 16              **C.** 4              **D.** 32

**Câu 22.** Vật chất di truyền ở cấp độ tế bào là:

- A.** ARN      **B.** Nhiễm sắc thể  
**C.** ADN      **D.** Axit nuclêic.

**Câu 23.** Ruồi giấm có  $2n = 8$ . Một tế bào của ruồi giấm đang ở kì sau của giảm phân II. Tế bào đó có bao nhiêu NST đơn:

- A.** 8              **B.** 4              **C.** 16              **D.** 2

**Câu 24.** Trong thụ tinh sự kiên quan trọng nhất là:

- A.** Sự tạo thành hợp tử.  
**B.** Sự tổ hợp bộ NST của giao tử đực và giao tử cái.  
**C.** Sự kết hợp nhân của hai giao tử  
**D.** Các giao tử kết hợp với nhau theo tỉ lệ 1 : 1

**Câu 25.** Trong cơ thể đa bào việc thay thế tế bào già và chết thường được thực hiện bởi hình thức:

- A.** Trực phân                      **B.** Sinh sản sinh dưỡng  
**C.** Phân bào nguyên nhiễm      **D.** Phân bào giảm nhiễm

**Câu 26.** Một loài có bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội  $2n = 24$  ở kì đầu của giảm phân I có :

- A.** 24 cromatit và 24 tâm động      **B.** 12 comatit và 12 tâm động  
**C.** 48 cromatit và 48 tâm động      **D.** 48 cromatit và 24 tâm động

**Câu 27.** Người ta sử dụng phép lai phân tích nhằm:

- A.** Để nâng cao hiệu quả lai  
**B.** Để tìm ra các cá thể đồng hợp trội  
**C.** Để tìm ra các cá thể đồng hợp lặn  
**D.** Để phân biệt thể đồng hợp với thể dị hợp

**Câu 28.** Phép lai nào cho tỉ lệ kiểu hình ở con lai là: 3 : 3 : 1 : 1

- A.** AaBb x aaBb      **B.** AaBb x AaBB                      **C.** AaBB x Aabb      **D.** AaBb x AAbb

**Câu 29.** Một con gà mái có 10 tế bào sinh dục nguyên phân liên tiếp 3 lần, các tế bào con sinh ra giảm phân bình thường. Số lượng thể định hướng được tạo ra là:

**A.** 30                      **B.** 240                      **C.** 320                      **D.** 80

**Câu 30.** Ở cà chua, gen A qui định thân đỏ thẫm, gen a qui định thân xanh lục. Kết quả của phép lai như sau: P: Thân đỏ thẫm x Thân xanh lục; F<sub>1</sub>: 49,9% thân đỏ thẫm, 50,1% thân xanh lục. Kiểu gen của P:

**A.** P : Aa x Aa              **B.** P : Aa x AA

**C.** P : AA x AA              **D.** P: Aa x aa

### ĐÁP ÁN

01. D; 02. D; 03. D; 04. C; 05. D; 06. A; 07. A; 08. B; 09. A; 10. B; 11. A; 12. A; 13. B; 14. A; 15. A;

16. A; 17. C; 18. A; 19. A; 20. C; 21. B; 22. B; 23. A; 24. B; 25. C; 26. D; 27. B; 28. A; 29. B; 30. D;

### 4. Đề thi HK1 Sinh 9 số 4

PHÒNG GD&ĐT NGA SƠN  
TRƯỜNG THCS NGA THẮNG

KIỂM TRA HỌC KÌ I  
NĂM HỌC 2019-2020  
Môn: SINH HỌC - LỚP 9

*Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)*

#### Đề bài

**Câu 1:** Trình bày quá trình phát sinh giao tử đực ở động vật

**Câu 2:** Nguyên tắc bổ sung thể hiện như thế nào trong cấu trúc của phân tử ADN

Mạch thứ nhất của đoạn gen có trình tự các nuclêôtit như sau:

- A - G - T - A - X - T - G - A - X - X - T - A - G - T - A -

Mạch 2 của gen trên và ARN tổng hợp từ mạch 1 có trình tự như thế nào?

**Câu 3:**

Thế nào là đột biến gen? Đột biến gen có những loại nào. Vì sao đột biến gen thường có hại cho bản thân sinh vật?

**Câu 4:**

Ở đậu Hà Lan: gen A quy định hoa đỏ, trội hoàn toàn so với gen a quy định hoa trắng. Gen B quy định hạt vàng trội hoàn toàn so với gen b quy định quả xanh.

1. Viết tất cả các kiểu gen và kiểu hình tương ứng có thể có của các cây đậu Hà Lan về hai cặp tính trạng trên!

2. Viết sơ đồ lai khi cho cây đậu Hà lan hoa đỏ hạt xanh giao phấn với cây hoa trắng, hạt xanh.

### ĐÁP ÁN

Nội dung	Điểm
<p><b>Câu 1:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tế bào mầm nguyên phân liên tiếp nhiều lần tạo ra các tinh nguyên bào</li> <li>- Tinh nguyên bào phát triển thành tinh bào bậc 1</li> <li>- Tinh bào bậc 1 giảm phân tạo 4 tinh trùng</li> </ul> <p>Cả 4 tinh trùng đều tham gia thụ tinh được</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p><b>Câu 2:</b></p> <p>1. NTBS trong cấu trúc của ADN</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nuclêôtit trên 2 mạch đơn của ADN liên kết với nhau theo Nguyên tắc bổ sung: Cứ A mạch này liên kết với T mạch kia; G mạch này liên kết với X mạch kia và ngược lại</li> </ul> <p>2. Mạch 2 của gen là:</p> <p>- A – X – A – T – X – A – X – T – G – G – A – A – X – T – G –</p> <p>Trình tự các nuclêôtit của ARN tổng hợp từ mạch 1 của gen là</p> <p>- A – X – A – U – X – A – X – U – G – G – A – A – X – U – G –</p>	<p>1,5</p> <p>0,75</p> <p>0,75</p>
<p><b>Câu 3:</b></p> <p>Đột biến gen là những biến đổi trong cấu trúc của gen liên quan đến một hay một số cặp nu clêôtit</p> <p>Gồm các dạng mất; thêm; thay thế một hay một số cặp nclêôtit</p> <p>Đột biến gen thường có hại vì chúng phá vỡ sự thống nhất hài hòa trong kiểu gen đã qua chọn lọc tự nhiên và duy trì lâu đời trong điều kiện tự nhiên. Gây ra những rối loạn trong quá trình tổng hợp prôtêin</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>1</p>
<p><b>Câu 4:</b></p> <p>Các kiểu gen và kiểu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- AABB; AaBB; AABb; AaBb Hoa đỏ hạt vàng</li> <li>- AAbb; Aabb Hoa đỏ; hạt xanh</li> <li>- aaBB; aaBb hoa trắng; hạt vàng</li> </ul>	<p>1</p>

- aabb hoa trắng hạt xanh	0,5
2. Hoa trắng; hạt vàng có 2 kiểu gen là AAbb và Aabb Hoa trắng, hạt xanh có 1 kiểu gen là aabb Do vậy có 2 sơ đồ lai sau HS viết 2 sơ đồ lai	1

**5. Đề thi HK1 Sinh 9 số 5**

PHÒNG GDĐT TP BUÔN MA THUỘT  
TRƯỜNG THCS THÀNH NHẤT

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019-2020  
Môn: Sinh học 9  
Thời gian: 45 phút

I: **TRẮC NGHIỆM:** Chọn đáp án mà em cho là đúng nhất:

**Câu 1:** Phép lai nào dưới đây là phép lai phân tích hai cặp tính trạng?

- A. P: AaBb x Aabb.
- B. P: AaBb x aabb.
- C. P: aaBb x AA.
- D. P: AaBb x aaBB.

**Câu 2:** Trong nguyên phân, NST đơn phân li về 2 cực tế bào ở:

- A. Kỳ đầu.
- B. Kỳ giữa.
- C. Kỳ sau.
- D. Kỳ cuối.

**Câu 3:** Đơn phân của ADN là:

- A. Axit amin.
- B. Glucose.
- C. Nucleotit.
- D. Ribôzơ.

**Câu 4:** Bộ NST của một loài là  $2n = 8$ . Số lượng NST ở thể  $3n$  là:

- A. 4.
- B. 8.
- C. 12.
- D. 24.

**Câu 5:** Phương pháp nào sau đây phù hợp với việc nghiên cứu di truyền học người?

- A. Nghiên cứu phả hệ.
- B. Tạo đột biến.
- C. Lai giống.
- D. Nhân giống trong ống nghiệm.

**Câu 6:** Thường biến thuộc loại biến dị nào sau đây?

- A. Biến dị di truyền.
- B. Biến dị không di truyền.
- C. Biến dị tổ hợp.
- D. Biến dị số lượng NST.

**II. PHẦN TỰ LUẬN:**

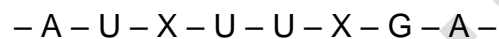
**Câu 7:** Phân biệt đột biến và thường biến? Tại sao đột biến thường có hại cho bản thân sinh vật?

**Câu 8:** Ở lúa, cho cây lúa có hạt chín sớm giao phấn với cây lúa có hạt chín muộn thu được F<sub>1</sub> đồng loạt cây hạt chín sớm. Tiếp tục cho F<sub>1</sub> tự thụ phấn với nhau thu được F<sub>2</sub>.

a. Có thể dựa vào định luật di truyền nào để xác định tính trạng trội, tính trạng lặn? Quy ước gen và viết sơ đồ lai cho phép lai nói trên?

b. Trong số các cây lúa có hạt chín sớm ở F<sub>2</sub> làm cách nào để chọn được cây thuần chủng? Giải thích?

**Câu 9:** Một đoạn ARN có trình tự sắp xếp các nuclêôtit như sau:



a. Xác định trình tự các nuclêôtit trong đoạn gen đã tổng hợp ra đoạn ARN trên?

b. Viết lại trật tự các cặp nuclêôtit của đoạn gen trên sau khi xảy ra các dạng đột biến:

+ Mất 1 cặp nuclêôtit ở cặp số 3.

+ Thay thế 1 cặp nuclêôtit ở vị trí số 5 bằng 1 cặp nuclêôtit khác loại.

### ĐÁP ÁN

#### I. Trắc nghiệm:

1- B	2- C	3- C	4- D	5- A	6- B
------	------	------	------	------	------

#### II. Tự luận:

Câu	Đáp án		Biểu điểm
7	<b>Thường biến</b>	<b>Đột biến</b>	Mỗi ý 0,25đ = (2đ)  1đ
	Biến đổi kiểu hình	Biến đổi kiểu gen	
	Không di truyền	Di truyền	
	Biến đổi đồng loạt	Biến đổi riêng lẻ	
	Có lợi	Có hại đôi khi có lợi	
Đột biến thường có hại cho bản thân sinh vật vì đột biến biểu hiện ra kiểu hình, chúng phá vỡ sự thống nhất hài hòa trong kiểu gen ( gen, NST) đã			

	qua chọn lọc trong tự nhiên và duy trì lâu đời trong điều kiện tự nhiên, gây hại cho sinh vật.	
<b>8</b>	<p>a) Dựa vào quy luật phân li của Men đen để xác định trội, lặn: Theo đề bài F<sub>1</sub> đồng tính (Hạt chín sớm) Chín sớm là tính trạng trội, chín muộn là tính trạng lặn.</p> <p>Quy ước gen: Gen A: Hạt chín sớm, Gen a: Hạt chín muộn</p> <p>- Khi cho cây lúa có hạt chín sớm giao phấn với cây lúa có hạt chín muộn thu được F<sub>1</sub> đồng loạt cây hạt chín sớm. Theo định luật đồng tính của Men đen, Suy ra P thuần chủng: Chín sớm (AA) x Chín muộn (aa).</p> <p>Sơ đồ lai: P: Chín sớm (AA) x Chín muộn (aa)</p> <p>G: A a</p> <p>F<sub>1</sub> Aa (Chín sớm)</p>	<p>1đ</p> <p>0,5đ</p> <p>0,5đ</p>
	<p>F<sub>1</sub> x F<sub>1</sub>: (Chín sớm) Aa x (Chín sớm) Aa</p> <p>G: A, a A, a</p> <p>F<sub>2</sub>: AA, Aa, Aa, aa</p> <p>Tỉ lệ kiểu gen: 1 AA : 2 Aa : 1aa</p> <p>Tỉ lệ kiểu hình: 3 Chín sớm: 1 Chín muộn.</p> <p>b) Để chọn được cây thuần chủng ta cho các cây chín sớm ở F<sub>2</sub> lai phân tích (lai với cây chín muộn).</p> <p>Nếu con lai đồng tính thì cây chín sớm ở F<sub>2</sub> thuần chủng. Nếu xuất hiện 2 kiểu hình khác nhau thì cây chín sớm F<sub>2</sub> không thuần chủng.</p>	1đ
<b>9</b>	<p>a. Trình tự sắp xếp của đoạn gen tổng hợp nên ARN</p> <p>Mạch ARN: - A - U - X - U - U - X - G - A -</p> <p>Mạch Khuôn tạo ra ARN trên - T - A - G - A - A - G - X - T -</p> <p>ADN: Mạch bổ sung - A - T - X - T - T - X - G - A -</p> <p style="text-align: center;">               </p>	1đ

	<p>Mạch khuôn - T - A - G - A - A - G - X - T -</p> <p>b. Khi xảy ra đột biến mất cặp số 3:</p> <p style="text-align: center;">- A - T - T - T - X - G - A -</p> <p style="text-align: center;">             </p> <p style="text-align: center;">- T - A - A - A - G - X - T -</p> <p>Thay cặp nuclêôtít số 5 bằng cặp nuclêôtít khác loại</p> <p style="text-align: center;">- A - T - X - T - X - X - G - A -</p> <p style="text-align: center;">               </p> <p style="text-align: center;">- T - A - G - A - G - G - X - T -</p>	1đ
--	---	----

## 6. Đề thi HK1 Sinh 9 số 6

PHÒNG GD&ĐT HÀ ĐÔNG  
**TRƯỜNG THCS LÊ LỢI**

Kiểm tra học kì I: Sinh học 9  
Năm: 2019-2020

**Điền vào ô trống chữ cái đứng đầu câu trả lời đúng tương ứng với mỗi câu hỏi:**

**Câu 1.** Người đặt nền móng cho Di truyền học là:

- A. Men-đê-lê-ép                      B. Mendel                      C. Moocgan                      D. Cả A, B và C đúng

**Câu 2.** Biến dị là:

- A. Những kiểu hình khác P.  
B. Sự tổ hợp lại các tính trạng của bố mẹ.  
C. Hiện tượng truyền đạt các tính trạng của bố mẹ, tổ tiên cho các thế hệ con cháu.  
D. Hiện tượng con sinh ra khác với bố mẹ và khác nhau ở nhiều chi tiết.

**Câu 3.** Trong thí nghiệm lai 1 cặp tính trạng của Mendel, kết quả phân li kiểu hình ở F<sub>2</sub> là:

- A. 3 trội : 1 lặn                      B. 3 lặn : 1 trội                      C. 1 lặn : 1 trội                      D. 1 trội : 2 trung gian : 1 lặn

**Câu 4.** Phép lai phân tích là phép lai giữa cá thể mang tính trạng ...(1)... cần xác định kiểu gen với cá thể mang tính trạng ...(2)... để kiểm tra ...(3)... của cơ thể mang tính trạng ...(4)...

Thứ tự các từ cần điền vào các chỗ trống trên là:

- A. (1) lặn, (2) trội, (3) kiểu hình, (4) lặn                      C. (1) trội, (2) lặn, (3) kiểu gen, (4) trội  
B. (1) lặn, (2) trội, (3) kiểu gen, (4) lặn                      D. (1) trội, (2) lặn, (3) kiểu hình, (4) trội

**Câu 5.** Ở đậu Hà Lan, cho cây hoa đỏ thuần chủng giao phấn với cây hoa trắng thuần chủng thu được F<sub>1</sub> toàn cây hoa đỏ. Cho cây hoa đỏ tự thụ phấn thu được F<sub>2</sub>. Theo lí thuyết, F<sub>2</sub> gồm:

- A. 100% cây hoa đỏ. C. 75% cây hoa trắng : 25% cây hoa đỏ  
 B. 100% cây hoa trắng. D. 75% cây hoa đỏ : 25% cây hoa trắng

**Câu 6.** Ở cà chua, gen A quy định quả đỏ là trội hoàn toàn so với gen a quy định quả vàng, gen B quy định quả tròn là trội hoàn toàn so với gen b quy định quả bầu dục. Các gen này phân li độc lập với nhau. Cho cây quả đỏ, tròn dị hợp tử về cả hai cặp gen (F<sub>1</sub>) tự thụ phấn, thu được đời con F<sub>2</sub> gồm 4 loại kiểu hình. Theo lí thuyết, có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng?

- (I) F<sub>1</sub> có 4 loại giao tử  
 (II) Ở thế hệ F<sub>2</sub> có 9 loại kiểu gen  
 (III) Ở F<sub>2</sub>, cây có kiểu hình quả vàng, bầu dục chiếm 6,25%  
 (IV) Các gen A và B nằm trên hai cặp NST tương đồng khác nhau

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

**Câu 7.** Mendel chọn các cặp tính trạng tương phản khi thực hiện các phép lai vì:

- A. Các tính trạng tương phản phân biệt nhau rõ ràng, khó nhận biết  
 B. Các tính trạng tương phản phân biệt nhau rõ ràng, dễ nhận biết  
 C. Để có thể dễ dàng theo dõi những biểu hiện của các tính trạng đó ở đời con  
 D. Cả B và C đúng

**Câu 8.** NST được cấu tạo chủ yếu từ những thành phần hóa học nào sau đây?

- A. mARN và protein loại histon C. tARN và protein loại histon  
 B. ADN và protein loại histon D. rARN và protein loại histon

**Câu 9.** Ở người, gen A quy định tóc xoăn, gen a quy định tóc thẳng, gen B quy định lông mi dài, gen b quy định lông mi ngắn. Các gen này phân li độc lập với nhau. Bố có tóc thẳng, lông mi ngắn. Hãy chọn người mẹ có kiểu gen phù hợp trong các trường hợp sau để sinh con ra đều có tóc xoăn, lông mi dài.

- A. AaBb B. AaBB C. AABB D. AABb

**Câu 10.** Hình 1 mô tả một NST đang ở kì giữa của quá trình phân chia tế bào. Trong bốn vị trí được đánh số thứ tự từ 1 đến 4, vị trí nào là điểm đính của NST vào sợi tơ trong thoi phân bào?

- A. Vị trí số 1 C. Vị trí số 3  
 B. Vị trí số 2 D. Vị trí số 4

Hình 1



**Câu 11.** Loại tế bào nào sau đây có bộ NST đơn bội?

- A. Tinh trùng B. Hợp tử C. Noãn nguyên bào D. Tinh nguyên bào



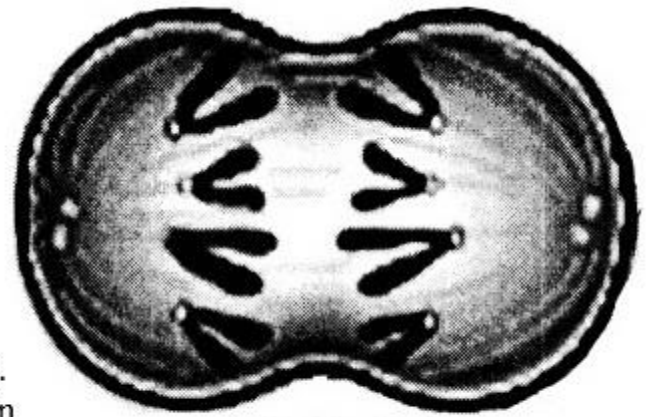
**Câu 12.** Ở Người, các NST thường được kí hiệu chung là A, cặp NST giới tính ở nữ được kí hiệu là XX và ở nam được kí hiệu là XY. Hợp tử được tạo thành do sự kết hợp giữa loại tinh trùng và loại trứng nào sau đây sẽ phát triển thành con trai?

- A. Tinh trùng  $22A + X$  và trứng  $22A + X$       C. Tinh trùng  $22A + Y$  và trứng  $22A + X$   
 B. Tinh trùng  $22A + X$  và trứng  $22A + XX$       D. Tinh trùng  $22A + 0$  và trứng  $22A + X$

**Câu 13.** Ruồi giấm có bộ NST lưỡng bội  $2n = 8$ .

Sau khi quan sát tiêu bản tế bào ruồi giấm đang phân chia, bạn Tâm đã vẽ lại tế bào mình quan sát được như Hình 2.

Hình vẽ cho biết tế bào này đang ở kì nào của quá trình phân bào?



Hình 2

- A. Kì giữa giảm phân I      C. Kì sau giảm phân II.  
 B. Kì sau nguyên phân      D. Kì cuối nguyên phân

**Câu 14.** Quá trình giảm phân bình thường ở cơ thể có kiểu gen nào sau đây sẽ tạo ra hai loại giao tử với tỉ lệ bằng nhau?

- A. Aabb      B. AaBb      C. AABB      D. aabb

**Câu 15.** Quá trình giảm phân bình thường ở cơ thể có kiểu gen nào sau đây sẽ tạo ra bốn loại giao tử với tỉ lệ bằng nhau?

- A. Aabb      B. AaBb      C. AABB      D. aabb

**Câu 16.** Ở ruồi giấm, gen quy định màu sắc thân và gen quy định độ dài cánh nằm trên cùng một NST. Gen A quy định thân xám trội hoàn toàn so với gen a quy định thân đen; gen B quy định cánh dài trội hoàn toàn so với gen b quy định cánh ngắn. Lai ruồi giấm thân xám, cánh dài thuần chủng với ruồi giấm thân đen, cánh ngắn thu được các con ruồi  $F_1$ . Tiếp tục lai ruồi đực  $F_1$  với ruồi cái thân đen, cánh ngắn. Theo lí thuyết, đời con có:

- A. Hai loại kiểu hình phân li theo tỉ lệ 1:1      C. Bốn loại kiểu hình phân li theo tỉ lệ 1:1: 1:1  
 B. Hai loại kiểu hình phân li theo tỉ lệ 3:1      D. Bốn loại kiểu hình phân li theo tỉ lệ 9:3 :3 :1

**Câu 17.** Đơn phân cấu tạo nên ADN là:

- A. Axit amin      B. Nucleoxom      C. Nucleotit      D. Ribonucleotit

**Câu 18.** Hàm lượng ADN trong nhân tế bào lưỡng bội của người là  $6,6 \times 10^{-12}$  g. Theo lí thuyết, hàm lượng ADN có trong nhân của một tinh trùng là:

- A.  $6,6 \times 10^{-12}$  g                      B.  $6,6 \times 10^{-6}$  g  
C.  $3,3 \times 10^{-6}$  g                      D.  $3,3 \times 10^{-12}$  g

**Câu 19.** Có bao nhiêu phát biểu sau đây đúng về chức năng của protein?

- (I) Tham gia cấu trúc nên tế bào và cơ thể  
(II) Xúc tác các quá trình trao đổi chất  
(III) Truyền đạt thông tin di truyền  
(IV) Bảo vệ cơ thể

- A. 1                                      B. 2                                      C. 3                                      D. 4

**Câu 20.** Đơn phân cấu tạo nên protein là:

- A. Axit amin    B. Nucleoxom                      C. Nucleotit                      D. Ribonucleotit

**Câu 21.** Một gen có 150 chu kì xoắn. Chiều dài của gen đó là:

- A. 510 nm                              B. 510 Å                              C. 4080 μ                              D. 4080 Å

**Câu 22.** Tính đặc thù của mỗi loại ADN do yếu tố nào sau đây quy định?

- A. Hàm lượng ADN trong nhân tế bào.  
B. Số lượng, thành phần và trình tự sắp xếp các nucleoti trong phân tử ADN.  
C. Tỷ lệ  $(A + T) / (G + X)$   
D. Cả B và C

**Câu 23.** Một đoạn mạch ARN có trình tự các nucleotit như sau:

– A – U – G – X – U – A – X – G – G – A – A –

Trình tự các nucleotit trong mạch khuôn của đoạn gen tổng hợp ra đoạn mạch ARN trên là:

- A. – A – T – G – X – T – A – X – G – G – A – A –  
B. – A – U – G – X – U – A – X – G – G – A – A –  
C. – U – A – X – G – A – U – G – X – X – U – U –  
D. – T – A – X – G – A – T – G – X – X – T – T –

**Câu 24.** Bản chất của mối quan hệ theo sơ đồ gen → ARN là:

- A. Trình tự các nucleotit trên mạch của gen quy định trình tự các nucleotit trên mạch ARN  
B. Trình tự các nucleotit trên mạch khuôn của gen quy định trình tự các nucleotit trên mạch ARN  
C. Trình tự các nucleotit trên mạch ARN quy định trình tự các axit amin trong chuỗi axit amin  
D. Cả B và C

**Câu 25.** Khi nói về đột biến gen, phát biểu nào sau đây đúng?

- A. Đột biến gen là những biến đổi về số lượng gen trên NST.
- B. Đột biến gen có thể có lợi, có thể có hại cho bản thân sinh vật.
- C. Đột biến gen luôn dẫn đến biến đổi cấu trúc của loại protein do gen đó mã hóa.
- D. Đột biến gen chỉ có thể phát sinh trong điều kiện tự nhiên.

**Câu 26.** Một loài thực vật có bộ NST lưỡng bội  $2n = 24$ . Trong mỗi tế bào sinh dưỡng của thể tứ bội phát sinh từ loài này có số lượng NST là:

- A. 36
- B. 48
- C. 72
- D. 108

**Câu 27.** Loại biến dị nào sau đây phát sinh trong đời sống cá thể, do ảnh hưởng trực tiếp của môi trường, biểu hiện đồng loạt theo một hướng xác định và không di truyền được?

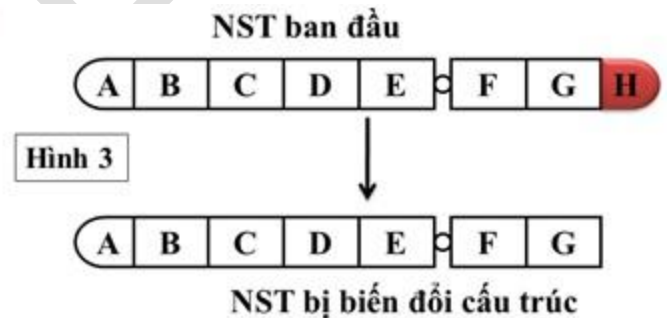
- A. Biến dị tổ hợp
- B. Đột biến gen
- C. Đột biến NST
- D. Thường biến

**Câu 28.** Những biến đổi số lượng xảy ra ở một hoặc một số cặp NST nào đó hoặc ở tất cả bộ NST được gọi là:

- A. Đột biến số lượng NST
- B. Đột biến gen
- C. Đột biến cấu trúc NST
- D. Thường biến

**Câu 29.** Hình 3 mô tả dạng đột biến nào?

- A. Đột biến mất một cặp nucleotit
- B. Đột biến thêm một cặp nucleotit
- C. Đột biến mất đoạn NST
- D. Đột biến số lượng NST



**Câu 30.** Sự kết hợp giữa giao tử ( $n$ ) với loại giao tử nào để tạo ra hợp tử ( $2n + 1$ ):

- A.  $(2n - 1)$
- B.  $(2n + 1)$
- C.  $(n - 1)$
- D.  $(n + 1)$

**Câu 31.** Trong mỗi tế bào sinh dưỡng của người mắc Hội chứng Down có bao nhiêu NST?

- A. 45
- B. 46
- C. 47
- D. 48

**Câu 32.** Việc nghiên cứu di truyền ở người gặp những khó khăn chủ yếu nào?

- A. Người là động vật bậc cao nhất
- B. Người sinh sản muộn, đẻ ít con
- C. Vì lí do xã hội, không thể áp dụng các phương pháp lai, gây đột biến
- D. Cả B và C

**Câu 33.** Số lượng trứng và tinh trùng kết hợp với nhau để tạo ra trẻ sinh đôi cùng trứng là:

- A. 1 trứng và 1 tinh trùng
- B. 1 trứng và 2 tinh trùng

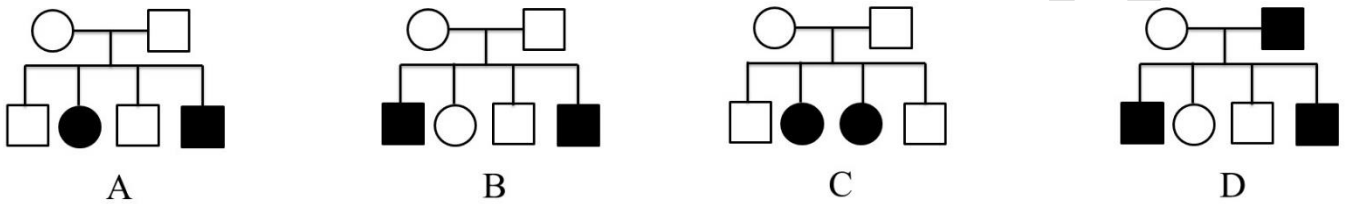
- C. 2 trứng và 1 tinh trùng
- D. 2 trứng và 2 tinh trùng

**Câu 34.** Số lượng trứng và tinh trùng kết hợp với nhau để tạo ra trẻ sinh đôi khác trứng là:

- A. 1 trứng và 1 tinh trùng
- B. 1 trứng và 2 tinh trùng

- C. 2 trứng và 1 tinh trùng
- D. 2 trứng và 2 tinh trùng

**Câu 35.** Bệnh máu khó đông do một gen quy định. Người vợ không mắc bệnh (O) lấy chồng không mắc bệnh (□), sinh ra con mắc bệnh chỉ là con trai (■). Sơ đồ phả hệ của trường hợp trên là:



**ĐÁP ÁN**

1. B	2. D	3. A	4. C	5. D	6. D	7. D	8. B	9. C	10. B
11. A	12. C	13. C	14. A	15. B	16. A	17. C	18. D	19. C	20. A
21. A	22. B	23. D	24. B	25. B	26. B	27. D	28. A	29. C	30. D
31. C	32. D	33. A	34. D	35. B					

**7. Đề thi HK1 Sinh 9 số 7**

**PHÒNG GD&ĐT NGA SƠN**

**KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG HỌC KÌ I**

**NĂM HỌC 2019-2020**

**Môn: SINH HỌC - LỚP 9**

*Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)*

**Đề bài**

**Câu 1:** Trình bày quá trình phát sinh giao tử cái ở động vật?

**Câu 2:**

Trình bày hệ quả của Nguyên tắc bổ sung trong cấu trúc phân tử ADN

Mạch thứ nhất của đoạn gen có trình tự các nuclêôtit như sau:

- T - G - T - A - G - T - G - A - X - X - T - T - G - A - X -

Mạch 2 của gen trên và ARN tổng hợp từ mạch 1 có trình tự như thế nào?

**Câu 3:**

Thế nào là đột biến cấu trúc NST? Đột biến cấu trúc NST gồm những loại nào? Vì sao đột biến cấu trúc NST thường có hại cho bản thân sinh vật?

**Câu 4:**

Ở đậu Hà Lan: gen A quy định hoa đỏ, trội hoàn toàn so với gen a quy định hoa trắng. Gen B quy định hạt vàng trội hoàn toàn so với gen b quy định quả xanh.

- Viết tất cả các kiểu gen và kiểu hình tương ứng có thể có của các cây đậu Hà Lan về hai cặp tính trạng trên!
- Viết sơ đồ lai khi cho cây đậu Hà lan hoa trắng, hạt vàng giao phấn với cây hoa trắng, hạt xanh.

**ĐÁP ÁN**

Nội dung	Điểm
<p><b>Câu 1:</b></p> <p>- Tế bào mầm nguyên phân liên tiếp nhiều lần tạo ra các noãn nguyên bào</p> <p>Noãn nguyên bào phát triển thành noãn bào bậc 1</p> <p>Noãn bào bậc 1 giảm phân tạo 1 trứng và 3 thể cực thứ 2</p> <p>Chỉ trứng mới tham gia thụ tinh được</p>	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p><b>Câu 2:</b></p> <p>1. Hệ quả NTBS</p> <p>- Biết được trình tự các nuclêôtit mạch này có thể suy ra trình tự các nuclêôtit của mạch kia</p> <p>- Về số lượng thì trong mỗi ADN ta có <math>A = T</math>; <math>G = X</math></p> <p>2. Mạch 2 của gen là:</p> <p>- A – X – A – T – X – A – X – T – G – G – A – A – X – T – G –</p> <p>Trình tự các nuclêôtit của AN tổng hợp từ mạch 1 của gen là</p> <p>- A – X – A – U – X – A – X – U – G – G – A – A – X – U – G –</p>	<p>1,5</p> <p>0,75</p> <p>0,75</p>
<p><b>Câu 3:</b></p> <p>Đột biến cấu trúc NST là những biến đổi trong cấu trúc của NST</p> <p>Gồm các dạng mất đoạn; lặp đoạn đảo đoạn</p> <p>Đột biến cấu trúc NST thường có hại cho sinh vật vì: Trải qua quá trình tiến hóa lâu dài, các gen đã được sắp xếp hài hòa trên NST. Biến đổi cấu trúc NST làm thay đổi số lượng và cách sắp xếp các gen trên đó đã gây hại cho sinh vật</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>1</p>

<p><b>Câu 4:</b> Các kiểu gen và kiểu hình</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- AABB; AaBB; AABb; AaBb Hoa đỏ hạt vàng</li> <li>- AAbb; Aabb Hoa đỏ; hạt xanh</li> <li>- aaBB; aaBb hoa trắng; hạt vàng</li> <li>- aabb hoa trắng hạt xanh</li> </ul> <p>2. Hoa trắng; hạt vàng có 2 kiểu gen là aaBB và aaBb Hoa trắng; hạt xanh có 1 kiểu gen là aabb Do vậy có 2 sơ đồ lai sau HS viết 2 sơ đồ lai</p>	<p>1</p> <p>0,5</p> <p>1</p>
---	------------------------------

## 8. Đề thi HK1 Sinh 9 số 8

PHÒNG GD & ĐT THÀNH PHỐ TUY HÒA  
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN TRỖI

ĐỀ THI HỌC KÌ 1- NĂM HỌC: 2019-2020  
MÔN: SINH 9 – Thời gian: 45'

### I. TRẮC NGHIỆM:

**Câu 1.** Biến dị tổ hợp là:

- a. Sự tổ hợp lại các tính trạng của P làm xuất hiện kiểu hình khác P.
- b. Sự tổ hợp lại các tính trạng của P làm xuất hiện kiểu hình giống P.
- c. Sự tổ hợp lại các tính trạng của P làm xuất hiện kiểu gen giống P.
- d. Sự tổ hợp lại các gen của P làm xuất hiện kiểu hình giống P.

**Câu 2.** Mỗi loài sinh vật có bộ NST đặc trưng về:

- a. Số lượng, trạng thái, cấu trúc.
- b. Số lượng, hình dạng, cấu trúc.
- c. Số lượng, hình dạng, trạng thái.
- d. Hình dạng, trạng thái, cấu trúc.

**Câu 3.** Cấu trúc điển hình của NST được biểu hiện rõ nhất ở kì nào của quá trình phân bào?

- a. Kì trung gian.
- b. Kì đầu.
- c. Kì giữa.
- d. Kì sau.

**Câu 4.** Đơn phân của phân tử ADN là nuclêôtit gồm 4 loại là:

- a. A, T, G, X.
- b. A, U, G, X.
- c. A, T, U, X.
- d. A, T, G, U.

**Câu 5.** Ở đậu Hà Lan, Gen A quy định tính trạng hạt vàng là trội hoàn toàn so với gen a quy định tính trạng hạt xanh; Gen B quy định tính trạng hạt trơn là trội hoàn toàn so với gen b quy

định tính trạng hạt nhân. Khi cho lai hai giống đậu hạt vàng, vỏ nhăn với hạt xanh, vỏ trơn thu được  $F_1$  đều cho hạt vàng, vỏ trơn.

Hãy chọn kiểu gen của P phù hợp với phép lai trên trong các công thức lai sau đây:

a. P: AABB x AAbb.    b. P: AAbb x aaBB.    c. P: Aa x Aa.    d. P: Aabb x aaBB

**Câu 6.** Ở ruồi giấm,  $2n=8$ . Một tế bào ruồi giấm đang ở kì giữa của quá trình giảm phân I. Số NST trong tế bào đó là:

a. 4.                                    b. 32.                                    c. 16.                                    d. 8.

**Câu 7.** Có 2 phân tử ADN thực hiện nhân đôi liên tiếp 3 lần, số phân tử ADN. con tạo thành là:

a. 2.                                    b. 4.                                    c. 8                                    d. 16

**Câu 8.** Một noãn bào bậc 1 có kí hiệu là AaBb khi giảm phân cho mấy loại trứng?

a. 1.                                    b. 2.                                    c. 3.                                    d. 4.

**Câu 9.** Kiểu hình của một cá thể được quy định bởi yếu tố nào?

a. Kiểu gen trong giao tử                                    b. Điều kiện môi trường sống

b. Sự tương tác giữa kiểu gen và môi trường                                    c. Kỹ thuật chăm sóc

**Câu 10.** Ở ruồi giấm,  $2n=8$ . Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của quá trình nguyên phân. Số NST trong tế bào đó là:

a. 16.                                    b. 8.                                    c. 4.                                    d. 32.

**Câu 11.** Trong tế bào sinh dưỡng, thể ba nhiễm của người có số lượng NST là:

a. 3                                    b. 49                                    c. 47                                    d. 45

**Câu 12.** Nguồn nguyên liệu chủ yếu trong chọn giống là gì?

a. Đột biến gen                                    b. Thường biến

c. Đột biến NST                                    d. Đột biến gen và đột biến NST.

## II. TƯ LUẬN

**Câu 1:** Có thể nhận biết bệnh nhân Đào qua những đặc điểm hình thái nào? Nêu nguyên nhân phát sinh các tật, bệnh di truyền và một số biện pháp hạn chế phát sinh các tật bệnh đó.

**Câu 2:** Đột biến gen là gì? Có những dạng nào? Vì sao đột biến gen thường có hại cho bản thân sinh vật?

**Câu 3:** Phân biệt thường biến với đột biến?

**Câu 4:** Một gen có chiều dài là 5100 Å, G= 20% tổng số nucleotit. Tính số nucleotit loại A môi trường nội bào cung cấp cho gen nhân đôi 2 lần.

## ĐÁP ÁN ĐỀ THI HK1

### I- Trắc nghiệm

HS chọn đúng mỗi câu được 0,25 điểm

câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	a	b	c	a	b	d	c	d	c	a	c	d

### II- Tự luận

#### Câu 1:

- Có thể nhận biết bệnh nhân Đào qua những đặc điểm hình thái: (0,5đ)

Cặp NST thứ 21 có 3 NST, bé, lùn, cổ rút, má phệ, miệng hơi há, lưỡi thè ra, mắt hơi sâu, 1 mí, ngón cái ngắn.

- Nêu nguyên nhân phát sinh các tật, bệnh di truyền: (1đ)

+Do tác nhân lí hóa học trong tự nhiên, do ô nhiễm môi trường.

+Do rối loạn trao đổi chất trong môi trường nội bào.

- Một số biện pháp hạn chế phát sinh các tật bệnh đó: (1đ)

+Hạn chế ô nhiễm môi trường.

+Sử dụng hợp lí thuốc bảo vệ thực vật.

+Đấu tranh chống vũ khí hóa học, vũ khí hạt nhân.

+Hạn chế kết hôn với người có nguy cơ gây bệnh di truyền

**Câu 2:( 1,5 đ ).** Mỗi ý trả lời đúng được 0,5 điểm.

- Đột biến gen là những thay đổi trong cấu trúc của gen liên quan đến 1 hoặc 1 số cặp nucleotit.

- Có các dạng đột biến gen: thêm, mất, thay thế cặp nucleotit.

- Đột biến gen thường có hại cho bản thân sinh vật vì nó phá vỡ sự hài hòa thống nhất trong kiểu gen của sinh vật đã qua chọn lọc lâu đời dẫn đến thay đổi các tính trạng của cơ thể sinh vật có ảnh hưởng xấu.

#### Câu 3: (2,0đ):



Thường biến	Đột biến
1. Biến đổi kiểu hình phát sinh trong đời sống cá thể dưới ảnh hưởng trực tiếp của môi trường. 2. Không di truyền được cho thế hệ sau. 3. Phát sinh đồng loạt theo cùng một hướng, tương ứng với điều kiện môi trường. 4. Có ý nghĩa thích nghi nên có lợi cho sinh vật.	1. Biến đổi trong cơ sở vật chất di truyền (ADN, NST), biến đổi kiểu hình. 2. Di truyền được cho thế hệ sau. 3. Xuất hiện với tần số thấp một cách ngẫu nhiên 4. Thường có hại cho bản thân sinh vật.

**Câu 4:**

Tổng số nucleotit của gen là:  $(5100 * 2) / 3,4 = 3000$  nu

Số nu loại G:  $(3000 * 20) / 100 = 600$  nu

Số nu loại A:  $(3000 - 600) / 2 = 900$  nu

Số nu loại A môi trường nội bào cung cấp cho gen nhân đôi 2 lần:  $900 * (2^2 - 1) = 2700$  nu

**9. Đề thi HK1 Sinh 9 số 9**

**PHÒNG GD & ĐT HUYỆN EA SÚP  
TRƯỜNG THCS EA LÊ**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I  
NĂM HỌC 2019 - 2020**

**MÔN: SINH HỌC – LỚP 9**

**Thời gian làm bài 45 phút**

**I. TRẮC NGHIỆM (3 điểm)**

Khoanh tròn vào các chữ cái A, B, C, D cho ý trả lời đúng nhất trong các câu sau:

**Câu 1:** Lông dài trội hoàn toàn so với lông ngắn. Khi lai hai cơ thể thuần chủng bố lông dài và mẹ lông ngắn thì kết quả F<sub>1</sub> sẽ là:

- A. Toàn lông ngắn
- B. 1 lông ngắn : 1 lông dài
- C. 3 lông ngắn : 1 lông dài
- D. Toàn lông dài

**Câu 2:** Tính trạng trội là tính trạng được biểu hiện:

- A. Chỉ ở P
- B. Biểu hiện ở P và F<sub>2</sub>
- C. Chỉ ở F<sub>2</sub>
- D. Chỉ ở F<sub>1</sub>

**Câu 3:** Bản chất hóa học của gen là gì?

- A. Bản chất của gen là một đoạn của phân tử ADN chứa thông tin di truyền.
- B. Bản chất của gen là có khả năng tự nhân đôi

C. Bản chất của gen là một đại phân tử gồm nhiều đơn phân

D. Bản chất của gen là một loại đơn phân

**Câu 4:** Loại ARN nào sau đây có chức năng truyền đạt thông tin di truyền?

A. tARN

B. mARN

C. rARN

D. ADN

**Câu 5:** Nguyên tắc bổ sung là:

A. Các nuclêôtit giữa 2 mạch của phân tử ADN liên kết với nhau theo nguyên tắc: A liên kết với G, T liên kết với X

B. Các nuclêôtit liên kết với nhau theo chiều dọc bằng liên kết hidrô

C. Các nuclêôtit giữa 2 mạch của phân tử ADN liên kết với nhau theo nguyên tắc: A liên kết với U, T liên kết với X.

D. Các nuclêôtit giữa 2 mạch của phân tử ADN liên kết với nhau theo nguyên tắc: A liên kết với T, G liên kết với X

**Câu 6:** Ở cà chua, tính trạng quả đỏ (A) trội so với quả vàng (a). Khi lai phân tích thu được toàn quả đỏ. Cơ thể mang kiểu hình trội sẽ có kiểu gen là:

A. AA (quả đỏ)

B. Aa (quả đỏ)

C. aa (quả vàng)

D. AA (quả đỏ) aa (quả vàng)

### **II/ PHẦN TỰ LUẬN**

**Câu 1:** Ở đậu Hà lan, tính trạng thân cao là trội hoàn toàn so với tính trạng thân thấp. Cho đậu Hà lan thân cao thuần chủng lai với đậu thân thấp. Hãy biện luận và viết sơ đồ lai từ P → F<sub>2</sub>.

**Câu 2:** Nêu bản chất của mối quan hệ giữa gen và tính trạng qua sơ đồ sau:

Gen (một đoạn ADN) → mARN → Prôtêin → Tính trạng

**Câu 3:** Thường biến là gì? Cho ví dụ. Phân biệt thường biến với đột biến

**Câu 4:** Có thể nhận biết bệnh nhân Đào qua những đặc điểm hình thái nào? Nêu nguyên nhân phát sinh các tật, bệnh di truyền và một số biện pháp hạn chế phát sinh các tật bệnh đó.

### **ĐÁP ÁN**

#### **I/ TRẮC NGHIỆM:**

1. C

2. D

3. A

4. B

5. D

6. B

#### **II/ PHẦN TỰ LUẬN**

Câu	Nội dung	Điểm
-----	----------	------

1 (1.5đ)	<p>Ở đậu Hà lan, tính trạng thân cao là trội hoàn toàn so với tính trạng thân thấp. Cho đậu Hà lan thân cao thuần chủng lai với đậu thân thấp. Hãy biện luận và viết sơ đồ lai từ P → F<sub>2</sub>.</p> <p>Giải: Theo đề bài:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Thân cao là tính trạng trội</li><li>- Thân thấp là tính trạng lặn</li><li>- Gọi A là gen qui định tính trạng thân cao</li><li>- Gọi a là gen qui định tính trạng thân thấp</li><li>- Cây thân cao thuần chủng có KG là AA</li><li>- Cây thân thấp có KG là aa</li></ul> <p>- SDL:</p> <table data-bbox="347 846 1027 1272"><tr><td>P.</td><td>Thân cao</td><td>x</td><td>Thân thấp</td></tr><tr><td></td><td>AA</td><td></td><td>aa</td></tr><tr><td>G.</td><td>A</td><td></td><td>a</td></tr><tr><td>F<sub>1</sub>.</td><td colspan="3">Aa: 100% thân cao</td></tr><tr><td>F<sub>1</sub> x F<sub>1</sub></td><td>Aa</td><td>x</td><td>Aa</td></tr><tr><td>GF<sub>1</sub>.</td><td>A, a</td><td></td><td>A, a</td></tr><tr><td>F<sub>2</sub>.</td><td colspan="3">1AA : 2Aa : 1aa</td></tr><tr><td></td><td colspan="3">3 thân cao: 1 thân thấp</td></tr></table>	P.	Thân cao	x	Thân thấp		AA		aa	G.	A		a	F <sub>1</sub> .	Aa: 100% thân cao			F <sub>1</sub> x F <sub>1</sub>	Aa	x	Aa	GF <sub>1</sub> .	A, a		A, a	F <sub>2</sub> .	1AA : 2Aa : 1aa				3 thân cao: 1 thân thấp			0,25đ  0,25đ     0,5   0,5
P.	Thân cao	x	Thân thấp																															
	AA		aa																															
G.	A		a																															
F <sub>1</sub> .	Aa: 100% thân cao																																	
F <sub>1</sub> x F <sub>1</sub>	Aa	x	Aa																															
GF <sub>1</sub> .	A, a		A, a																															
F <sub>2</sub> .	1AA : 2Aa : 1aa																																	
	3 thân cao: 1 thân thấp																																	
2 (1đ)	<p>Nêu bản chất của mối quan hệ giữa gen và tính trạng qua sơ đồ sau: Gen (một đoạn ADN) → mRNA → Prôtêin → Tính trạng</p> <p>Trình tự các nuclêôtit trong AND qui định trình tự các nuclêôtit trong ARN, qua đó qui định trình tự các a.amin của phân tử prôtêin tham gia hoạt động tế bào -&gt; biểu hiện tính trạng</p>	1đ																																
3 (2đ)	<p><b>Thường biến là gì?</b></p> <p>- Thường biến là những biến đổi kiểu hình của cùng một KG phát sinh trong đời sống cá thể dưới ảnh hưởng trực tiếp của môi trường.</p>	0,5đ																																

<b>So sánh thường biến với đột biến</b>		1,5đ
<b>Thường biến</b>	<b>Đột biến</b>	
1 biến đổi kiểu hình 2. Không di truyền. 3. biểu hiện đồng loạt theo hướng xác định 4. Thường biến có lợi cho sinh vật.	1. Biến đổi cơ sở vật chất di truyền (ADN, NST) 2. di truyền 3. Xuất hiện ngẫu nhiên. 4. đa số có hại, một số ít có lợi	
4 (2,5đ)	a. Có thể nhận biết bệnh nhân Đào qua những đặc điểm hình thái nào? Cặp NST thứ 21 có 3 NST, bé, lùn, cổ rụt, má phệ, miệng hơi há, lưỡi thè ra, mắt hơi sâu, 1 mí, ngón cái ngắn. b. Nêu nguyên nhân phát sinh các tật, bệnh di truyền + Do tác nhân lí hóa học trong tự nhiên. + Do ô nhiễm môi trường. + Do rối loạn trao đổi chất trong tế bào. c. một số biện pháp hạn chế phát sinh các tật bệnh đó. + Hạn chế ô nhiễm môi trường. + Sử dụng hợp lí thuốc bảo vệ thực vật. + Đấu tranh chống vũ khí hóa học, vũ khí hạt nhân. + Hạn chế kết hôn với người có nguy cơ gây bệnh di truyền	1đ  0,5đ  1đ

### 10. Đề thi HK1 Sinh 9 số 10

PHÒNG GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO BIÊN HOÀ  
**TRƯỜNG THCS HOÀNG VĂN THỤ**

**KIỂM TRA HỌC KỲ I- NĂM HỌC 2019-2020**  
**Môn: Sinh học 9**

*Thời gian : 45 phút (không kể thời gian phát đề)*

#### I. Phần trắc nghiệm: Chọn câu trả lời đúng nhất:

**Câu 1:** Ở bí, quả tròn là tính trạng trội (B) và quả bầu dục là tính trạng lặn (b). Nếu cho lai quả bí tròn (Bb) với quả bí bầu dục (bb) thì kết quả F1 sẽ là.

- A. 25% BB : 50% Bb : 25% bb  
 B. 100% BB  
 C. 50% Bb : 50% bb  
 D. 100% Bb

**Câu 2:** Cho giao phấn giữa cây bắp thân cao và cây bắp thân thấp thu được F<sub>1</sub>: 50% cây thân cao : 50% cây thân thấp. Đây là phép lai gì.

- A. Lai 1 cặp tính trạng.  
 B. Lai phân tích.  
 C. Trội không hoàn toàn.  
 D. Trội hoàn toàn.

**Câu 3:** Kì nào sau đây được xem là thời kì sinh trưởng của tế bào trong quá trình nguyên phân.

- A. Kì đầu.                      B. Kì trung gian.                      C. Kì giữa.                      D. Kì sau.

**Câu 4:** Điểm khác nhau cơ bản của quá trình giảm phân so với nguyên phân là.

- A. Từ 1 tế bào mẹ (2n) cho 4 tế bào con (n)  
 B. Từ 1 tế bào mẹ cho ra 2 tế bào con.  
 C. Là hình thức sinh sản của tế bào.  
 D. Trải qua kì trung gian và giảm phân.

**Câu 5:** Một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có trình tự các Nuclêotit như sau:

... A – G – X – G – A – T – G...

Thì đoạn mạch bổ sung sẽ là:

- A. ... G – T – G – X – T – T – G ...                      B. ... G – A – G – X – U – A – G ...  
 C. ... T – X – G – X – T – A – X ...                      D. ... G – A – G – X – T – A – G ...

**Câu 6:** Kết thúc quá trình nguyên phân từ 1 tế bào mẹ tạo ra mấy tế bào con.

- A. 2                      B. 3                      C. 4                      D. 1

**Câu 7:** Dạng đột biến cấu trúc sẽ gây ung thư máu ở người là:

- A. Chuyển đoạn NST 21.                      B. Mất đoạn NST 21.  
 C. Đảo đoạn NST 21.                      D. Lặp đoạn NST 21.

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây là **đúng**?

- Tính trạng số lượng rất ít hoặc không chịu ảnh hưởng của môi trường
  - Kiểu hình là kết quả tương tác giữa kiểu gen và môi trường
  - Tính trạng chất lượng phụ thuộc chủ yếu vào kiểu gen
  - Bố mẹ truyền đạt cho con kiểu gen chứ không truyền cho con tính trạng có sẵn.
- A. 1,2,3                      B. 1,3,4                      C. 2,3,4                      D. 3,4

## II. Phản tự luận:

**Câu 1:** Nêu cấu trúc không gian của phân tử ADN.

**Câu 2:** Phân biệt thường biến với đột biến?

**Câu 3:** Giải thích vì sao tỉ lệ Nam: Nữ trong tự nhiên là 1:1.

**Câu 4:** Ở một loài, gen A quy định mắt đỏ trội hoàn toàn so với mắt trắng do gen a quy định. Cho cá thể mắt đỏ thuần chủng giao phối với cá thể mắt trắng thu được F<sub>1</sub> đều mắt đỏ.

a. Hãy lập sơ đồ lai nói trên.

b. Nếu tiếp tục cho cá thể F<sub>1</sub> lai với nhau kết quả sẽ như thế nào?

Cho biết gen quy định màu mắt nằm trên NST thường.

**Câu 5:** Gia đình bạn Hùng làm nghề chăn nuôi heo. Một hôm, Tuấn sang nhà bạn Hùng chơi và thấy cả ba bạn Hùng đang pha thuốc vào chậu cám heo để cho heo ăn. Tuấn thắc mắc thì được bạn Hùng giải thích thuốc đó là thuốc tăng trưởng cho động vật giúp heo tăng cân nhanh.

Nếu là Tuấn, em sẽ giải quyết tình huống này như thế nào? Vì sao?

### ĐÁP ÁN

#### I. Phần trắc nghiệm:

<b>Câu</b>	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>Đ.ÁN</b>	B	C	B	A	D	B	D	B

#### II. Phần tự luận:

Câu	Đáp án	Biểu điểm
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân tử ADN là chuỗi xoắn kép, gồm 2 mạch đơn xoắn đều quanh 1 trục theo chiều từ trái sang phải.</li> <li>- Mỗi vòng xoắn có chiều cao 34 Å, gồm 10 cặp nuclêôtit. Đường kính vòng xoắn 20Å.</li> <li>- Các nuclêôtit trên 2 mạch đơn liên kết với nhau theo nguyên tắc bổ sung: A – T; G – X</li> <li>- Hệ quả của nguyên tắc bổ sung: + Do tính chất bổ sung của 2 mạch, nên khi biết trình tự đơn phân của một mạch sẽ suy ra được trình tự đơn phân của mạch còn lại.</li> </ul>	<p><b>2 điểm</b></p> <p>0.5 đ</p> <p>0.5 đ</p> <p>0.5đ</p> <p>0.5đ</p>

	+ Về tỉ lệ các loại đơn phân trong ADN : $A = T : G = X \rightarrow A + G = T + X$		
<b>2</b>	<b>Thường biến</b>	<b>Đột biến</b>	<b>2 điểm</b>
	- Là những biến đổi kiểu hình, không biến đổi trong vật chất di truyền.	- Biến đổi trong vật chất di truyền (ADN, NST).	0.5đ
	- Diễn ra đồng loạt, có định hướng.	- Biến đổi riêng lẻ, từng cá thể, gián đoạn, vô hướng.	0.5đ
	- Không di truyền được.	- Di truyền được.	0.5đ
	- Có lợi, đảm bảo cho sự thích nghi của cơ thể.	- Đa số có hại, một số có lợi hoặc trung tính; là nguyên liệu cho quá trình tiến hoá và chọn giống.	0.5đ
<b>3</b>	* Ở người, nữ có cặp nhiễm sắc thể (NST) giới tính là XX, nam có cặp NST giới tính là XY. Trong quá trình giảm phân tạo giao tử, nữ chỉ cho một trứng mang NST X; nam cho hai loại tinh trùng một mang NST X, một mang NST Y với tỉ lệ ngang nhau. Qua quá trình thụ tinh, hai loại tinh trùng này kết hợp với trứng mang NST X, tạo ra hai loại tổ hợp XX (phát triển thành con gái) và XY (phát triển thành con trai). Hai tổ hợp này có tỉ lệ ngang nhau nên tỉ lệ nam/nữ luôn xấp xỉ 1/1.		<b>1 điểm</b>
<b>4</b>	- Xác định được kiểu gen của P		<b>2 điểm</b>
	- Viết sơ đồ lai từ P đến F <sub>1</sub> và xác định kiểu gen F <sub>1</sub>		0.5đ
	- Viết sơ đồ lai F <sub>1</sub> x F <sub>1</sub>		0.5đ
	- Xác định kết quả phép lai F <sub>1</sub> x F <sub>1</sub>		0.5đ
<b>5</b>	- Khuyên bạn Hùng và gia đình không nên sử dụng thuốc tăng trưởng vì nó dễ gây ô nhiễm môi trường và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người sử dụng. Thuốc này là hóa chất sẽ tác động gây đột biến gen/NST → gây bệnh Ung thư, hoặc các bệnh và tật di truyền...		<b>1 điểm</b>